BẢN TIN CHỨNG KHOÁN

CHẬM LẠI TẠI VÙNG CẢN 1750 - 1760 ĐIỂM, ĐÀ PHỤC HỒI CẦN ĐƯỢC CỦNG CỐ

06/11/2026

VN-Index	**1740.73 (0.44%)**
820 Tr. cổ phiếu	15963.6 Tỷ VND (-11.57%)
HNX-Index	**256.61 (-0.49%)**
68 Tr. cổ phiếu	943.3 Tỷ VND (-8.65%)
UPCOM-Index	**122.48 (-0.11%)**
44 Tr. cổ phiếu	726.5 Tỷ VND (8.20%)
VN30F1M	**1867.40 (0.29%)**
168,754 HD	OI: 30,335 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1740.7, tăng 7.7 điểm (+0.44%). Sắc xanh cũng ghi nhận ở VN30, tăng 3.2 điểm (+0.17%); trong khi HNXIndex giảm 1.3 điểm (-0.49%).
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số thu hẹp đà tăng khi tiếp cận vùng cản 1750 - 1760 điểm, hàm ý lực cung phía trên vẫn chiếm ưu thế. Thanh khoản giảm so với phiên bùng nổ trước đó, nhưng độ rộng thị trường vẫn duy trì ở phía mua.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: HDC (+3.2%), KDH (+4.0%), TAL (+6.8%) l Du lịch và Giải trí: HVN (+1.4%), VPL (+1.5%) l Ngân hàng: STB (+2.2%), OCB (+2.3%) l Dịch vụ tài chính: VND (+1.8%), TCX (+1.9%), VIX (+4.0%). Diễn biến yếu trong phiên: Tiện ích: BWE (-3.8%), ASP (-3.6%), GAS (-1.3%) l Công nghệ Thông tin: CMG (-2.4%), FPT (-1.9%) l Tài nguyên Cơ bản: HPG (-0.9%), HSG (-0.5%) l Thực phẩm và đồ uống: MSN (-1.0%), DBC (-1.0%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, CTG, STB, MBB, VPL - Chiều giảm | VCB, VPB, GAS, FPT, HPG
- Khối ngoại Bán ròng hơn 150 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VCB, VHM, VPB, trong khi mua ròng VIX, CTG, VIC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Shooting Star khi tiếp cận vùng cản 1750 - 1760 điểm, hàm ý lực cung phía trên vẫn chiếm ưu thế. Thanh khoản giảm so với phiên bùng nổ trước đó, nhưng độ rộng thị trường vẫn nghiêng về phía mua, cho thấy cung bán chưa gây áp lực lớn. Trạng thái nghiêng về tìm điểm cân bằng sau nhịp hồi hơn là tín hiệu suy yếu rõ rệt. Theo đó, VN-Index có thể trở lại rung lắc quanh khu vực 1740 điểm nhằm củng cố thêm nền giá. Hỗ trợ duy trì cấu trúc phục hồi hiện quanh ngưỡng 1710 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số trở lại giằng co, củng cố thêm nền giá quanh mốc 260 điểm. Kháng cự gần hiện quanh khu vực 265 điểm, đà phục hồi sẽ được củng cố khi vận động bứt phá được mốc kỹ thuật này.
- **Chiến lược:** Nhịp hồi phục nên được tận dụng để cơ cấu lại danh mục. Tránh mua đuổi và mở rộng vị thế khi tín hiệu tạo đáy chưa được xác nhận rõ ràng. Nếu tỷ trọng tài khoản đã đưa về mức phù hợp, NĐT có thể theo dõi thêm phản ứng của thị trường khi kiểm định vùng cản. Việc gia tăng tỷ trọng chỉ nên được cân nhắc khi chỉ số bứt phá thành công kháng cự. Nhóm ngành nổi bật: Đầu tư công, Chứng khoán.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi thêm diễn biến thị trường

Phái sinh (trang 08)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi (%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với 01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,740.7	0.4%	-0.8%	-0.7%	15,963.6	-11.6%	9.9%	18.1%	819.8	-17.4%	28.5%	42.2%
HNX-Index	256.6	-0.5%	0.0%	-4.8%	943.3	-8.6%	38.6%	-22.6%	68.5	-11.0%	68.5%	9.0%
UPCOM-Index	122.5	-0.1%	-1.3%	-2.4%	726.5	8.2%	30.3%	71.7%	44.1	119.2%	87.9%	82.1%
VN30	1,865.2	0.2%	-0.6%	-1.5%	8,129.5	-10.7%	-1.4%	11.2%	267.7	-21.2%	-0.7%	15.6%
VNMID	1,858.7	0.5%	1.1%	2.9%	6,568.3	-13.8%	27.1%	23.9%	404.2	-16.3%	39.2%	45.1%
VNSML	1,230.2	0.1%	-0.2%	0.6%	837.2	-14.7%	-4.0%	26.3%	62.4	-15.4%	-2.5%	17.8%
Theo ngành (VNINdex)												
Ngân hàng	604.7	0.2%	-2.14%	-1.4%	4,505.7	-11.0%	-12.0%	-13.4%	202.2	-21.4%	-19.2%	-21.4%
Bất động sản	990.1	1.3%	-0.30%	0.9%	2,308.5	-8.3%	-10.0%	-10.6%	121.5	-32.3%	-17.6%	0.3%
Dịch vụ tài chính	258.6	0.3%	3.38%	3.3%	3,362.8	-5.9%	42.6%	82.3%	204.1	-1.6%	43.7%	83.9%
Công nghiệp	228.9	0.1%	-0.02%	-2.7%	941.1	-31.4%	-12.0%	-11.4%	39.0	-16.8%	-6.9%	-8.4%
Tài nguyên cơ bản	476.9	-0.8%	1.11%	4.9%	672.7	-40.7%	-22.7%	0.5%	38.7	-37.3%	-19.8%	0.0%
Xây dựng - Vật Liệu	153.8	-0.5%	-0.01%	1.8%	538.0	-27.6%	-0.6%	7.8%	30.5	-33.5%	-11.8%	-2.5%
Thực phẩm	478.1	-0.3%	-1.36%	-1.6%	877.0	-7.5%	-0.6%	-40.5%	26.2	5.5%	2.1%	-14.8%
Bán Lẻ	1,426.1	0.2%	-1.16%	-0.8%	432.2	15.8%	-23.9%	-32.2%	6.7	16.3%	-19.0%	-22.8%
Công nghệ	316.6	-1.7%	0.34%	-13.5%	582.9	-19.5%	-1.3%	5.2%	12.2	-19.2%	-5.2%	9.1%
Hóa chất	159.2	-0.3%	-5.02%	-6.1%	178.6	-25.4%	-29.1%	-38.5%	8.3	-18.7%	-29.4%	-29.1%
Tiện ích	719.3	-0.6%	-1.14%	-3.0%	250.3	-3.7%	9.8%	2.2%	11.6	-19.2%	1.3%	2.2%
Dầu khí	104.6	0.0%	-3.57%	-10.3%	524.6	22.7%	27.87%	-8.4%	22.8	36.7%	34.9%	2.0%
Dược phẩm	372.8	0.2%	-2.78%	-4.0%	27.0	-2.5%	-24.5%	-40.9%	1.9	22.2%	-7.9%	-9.2%
Bảo hiểm	100.3	0.4%	-5.93%	-13.2%	72.6	16.1%	8.0%	-4.9%	1.2	10.0%	6.7%	-9.6%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,740.7	0.44%	-2.5%	11.5x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,498	-0.27%	18.9%	14.2x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	5,030	2.25%	-41.8%	4.9x	0.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,135	0.47%	-1.4%	14.5x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,778	1.46%	-4.5%	8.5x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,690	0.10%	-7.0%	17.0x	1.4x
Hang Seng	Hồng Kông	24,797	3.67%	-3.3%	12.1x	1.2x
Nikkei 225	Nhật Bản	61,078	-1.79%	21.3%	19.8x	2.7x
S&P 500	Mỹ	7,689	1.58%	12.3%	26.3x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	53,356	3.03%	11.0%	23.3x	6.2x
FTSE 100	Anh	10,889	0.56%	9.6%	15.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,285	0.31%	8.5%	17.0x	2.4x
DXY		101.5	-0.37%	3.2%		
USDVND		25,683	-0.148%	-2.3%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

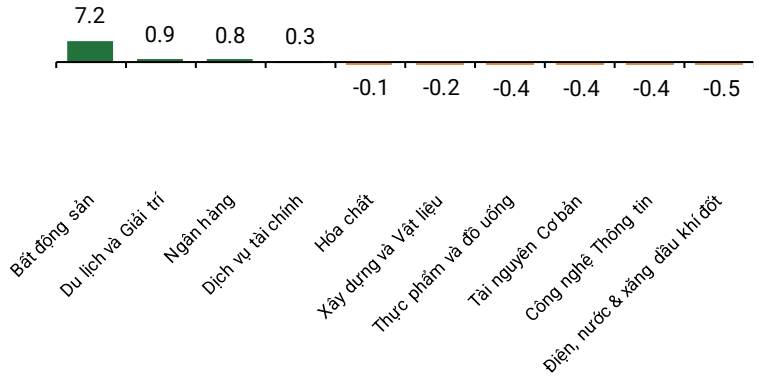
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa	% Thay đổi giá			
	1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	1.81%	-4.0%	58.3%	51.7%
Dầu WTI	0.66%	-0.8%	54.5%	48.8%
Khí gas	-0.5%	-4.0%	-20.2%	-30.5%
Than cốc (*)	0.0%	-9.3%	34.7%	26.0%
Thép HRC (*)	0.4%	-3.5%	-2.6%	-3.4%
PVC (*)	-0.8%	3.8%	10.5%	8.8%
Phân Urea	0.0%	-1.4%	18.0%	9.7%
Cao su thiên nhiên	0.3%	-7.0%	34.7%	44.1%
Bông Cotton	0.8%	2.1%	22.5%	20.7%
Đường	0.3%	-10.6%	23.5%	31.3%
World Container Index	-0.9%	-1.0%	98.3%	141.0%
Baltic Dirty tanker Index	-4.6%	-14.5%	365.5%	337.6%
Vàng	1.58%	-0.4%	-4.5%	3.6%
Bạc	1.05%	-13.6%	-26.4%	9.9%

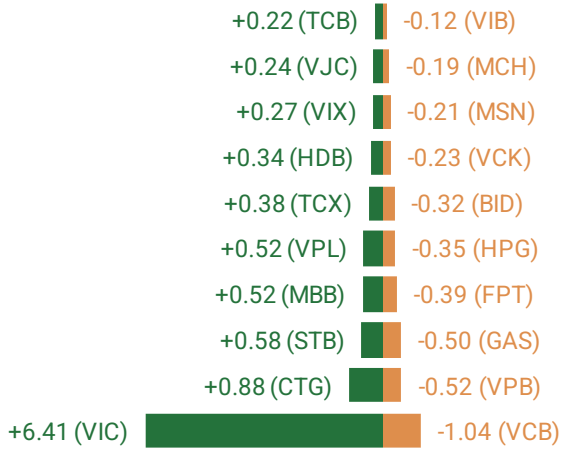
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

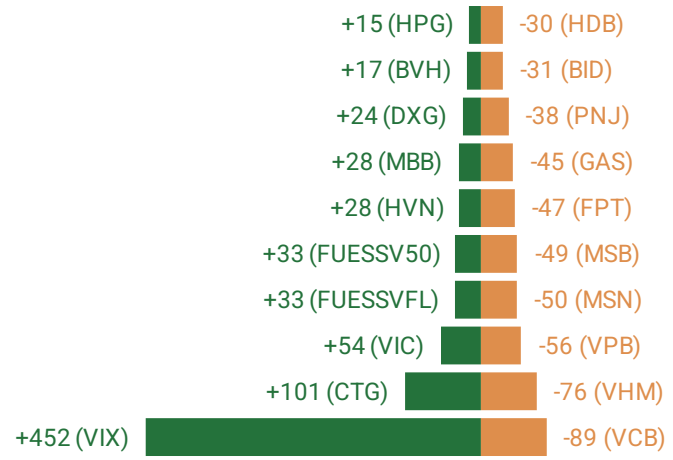
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



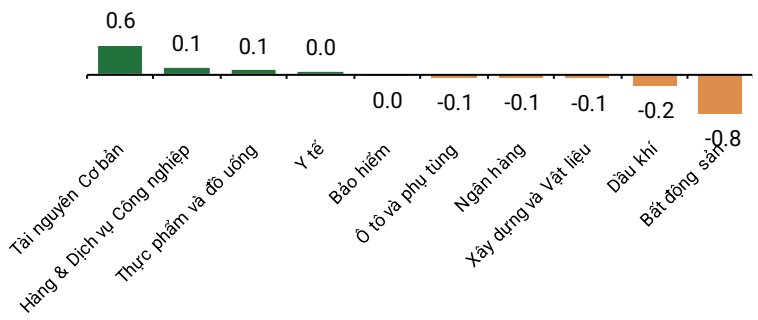
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



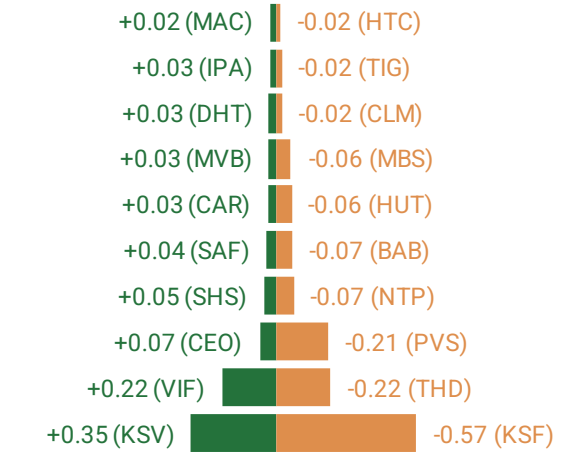
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



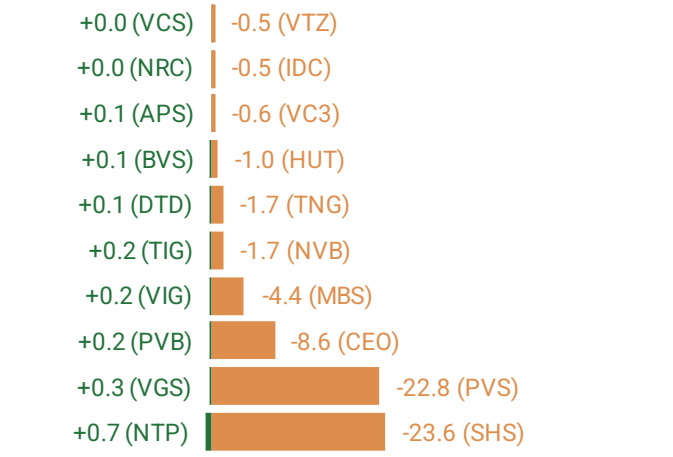
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



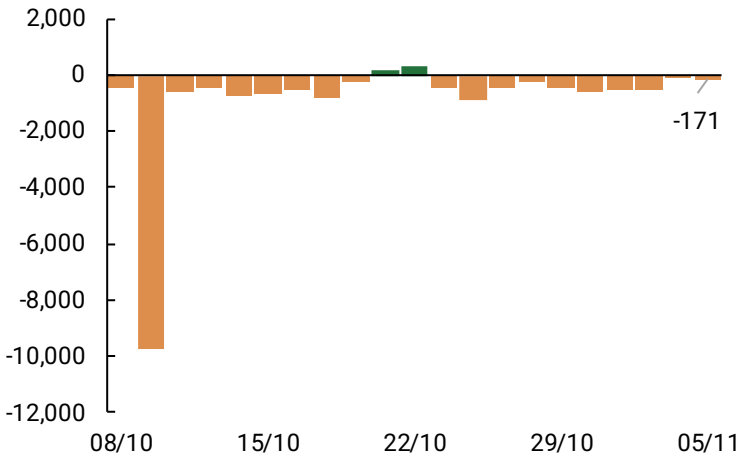
	VIX	SSI	CTG	VHM	FPT
%DoD	4.0%	0.0%	1.8%	0.2%	-1.9%
Giá trị	1,397	646	560	462	430

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	LPB	PVD	FPT	SBT	GEX
%DoD	0.4%	-1.7%	-1.9%	0.5%	0.0%
Giá trị	548	140	135	134	98

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



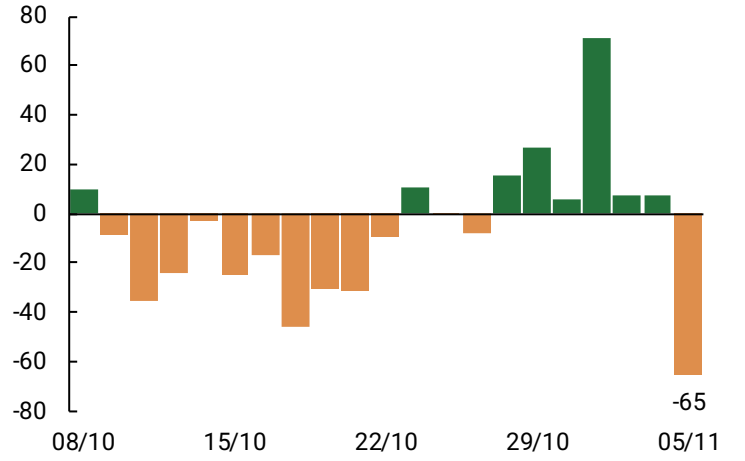
	SHS	CEO	PVS	MBS	HUT
%DoD	0.8%	1.7%	-2.0%	-0.6%	-0.8%
Giá trị	238	174	97	65	55

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	KSF	MST	CAR	PPT	IDC
%DoD	-1.6%	-2.2%	9.9%	-6.1%	0.0%
Giá trị	34	6	2	1	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting Star, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1660 l 1710.
- ✓ Kháng cự: 1760 l 1820.
- ✓ MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha giảm.

Kịch bản: Chỉ số chững lại khi tiếp cận vùng cản 1750 – 1760 điểm. Trạng thái khả năng cần hạ nhiệt để củng cố thêm nền giá. Nếu bứt phá thành công cản, quán tính tăng có thể kỳ vọng được khôi phục, với mục tiêu hướng đến mốc 1800 điểm. Trái lại, sự suy yếu tại cản sẽ khiến áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Ngưỡng 1710 hiện đóng vai trò hỗ trợ gần giúp duy trì cấu trúc hồi phục.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Shooting Star, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 l 1840
- ✓ Kháng cự: 1870 l 1930.
- ✓ MACD, RSI cải thiện chưa rõ ràng.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha giảm.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số chững lại khi kiểm định vùng cản 1870 – 1880 điểm. Trạng thái giằng co khả năng tiếp tục chi phối. Nếu bứt phá thành công, đà phục hồi sẽ được củng cố và mở ra kỳ vọng hướng tới vùng 1930 điểm. Trái lại, nếu tiếp tục có dấu hiệu suy yếu tại cản, áp lực điều chỉnh sẽ trở lại chi phối, với mốc 1840 điểm là hỗ trợ gần cần chú ý.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	**CTD**	Mua	26/10/2026	-	68.3	65 - 66	**4.3%**	72	9.9%	61.5	-6.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** kết phiên tại 1867.4, tăng 5.4 điểm (+0.3%). Thanh khoản giảm so với phiên trước và dưới mức bình quân 20 phiên. Giá mở cửa hưng phấn nhưng nhanh chóng hạ nhiệt và biến động gần như đi ngang quanh mốc 1870 điểm sau đó
- **Ở đồ thị 1 giờ,** chỉ báo MACD duy trì trên đường tín hiệu, nhưng RSI có xu hướng hạ nhiệt, điều này cho thấy đà phục hồi cần được củng cố lại. Theo đó, giá khả năng tiếp tục giằng co quanh vùng 1864 – 1874. Vị thế Long cân nhắc khi vận động bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1874. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1860.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1778.5, tăng 28.6 điểm (+1.6%). Độ lệch basis 1.5 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 20 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1770 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1790 điểm.

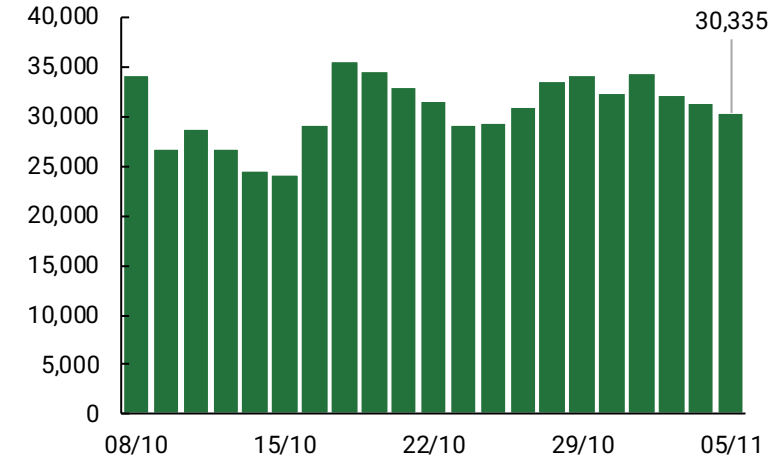
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1874	1888	1866	14 : 8
Short	< 1860	1846	1868	14 : 8

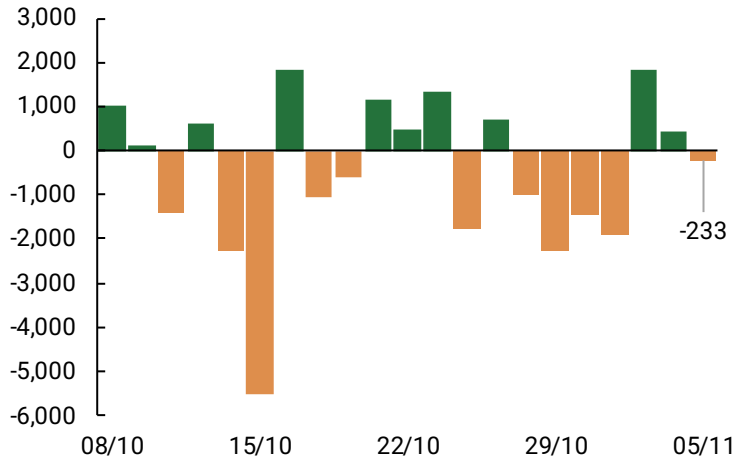
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1H6000	1,863.6	19.3	14	53	1,884.9	-21.3	17/06/2027	224
41I1H3000	1,866.8	6.9	53	336	1,876.9	-10.1	18/03/2027	133
41I1GC000	1,869.9	7.5	501	2,667	1,868.9	1.0	17/12/2026	42
41I1GB000	1,867.4	5.4	168,754	30,335	1,866.5	0.9	19/11/2026	14
41I2GB000	1,778.5	28.6	20	33	1,778.2	0.3	19/11/2026	14

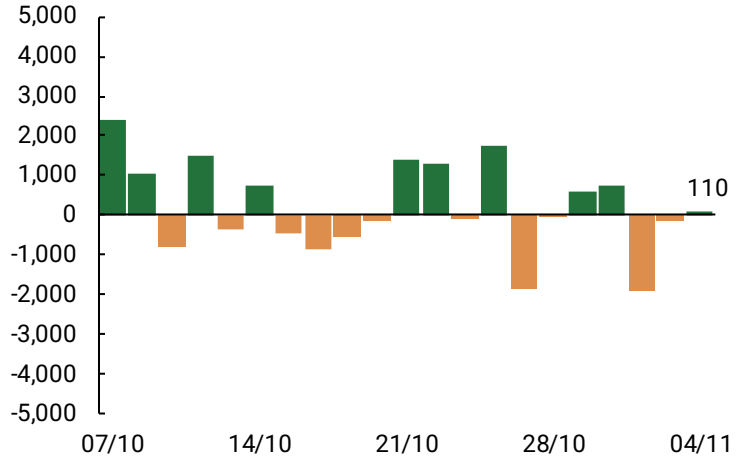
Khối lượng mở (Open interest)



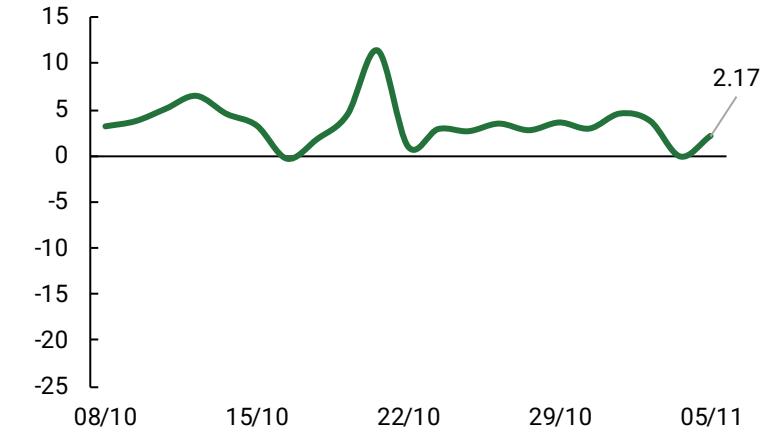
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



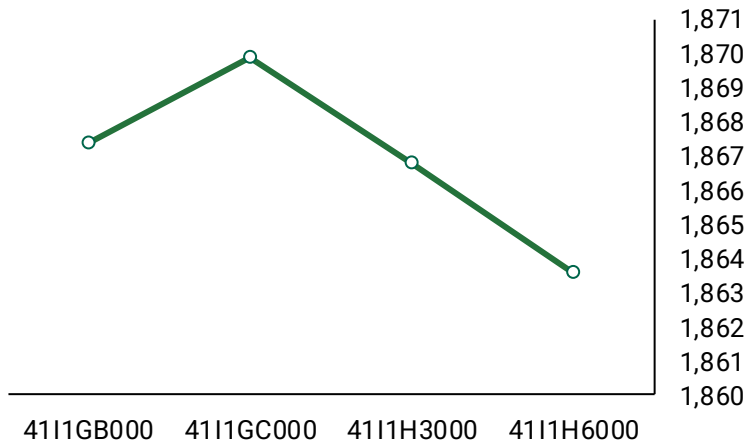
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



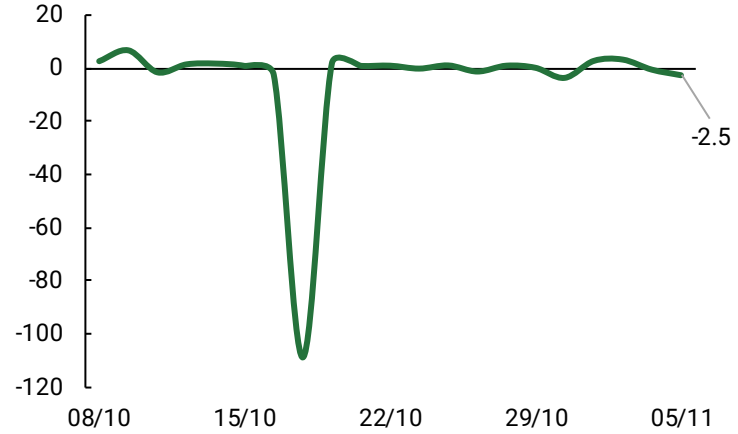
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



02/11	Việt Nam, Mỹ, Trung Quốc, EU – PMI
03/11	Việt Nam – Số liệu KT-XH tháng 10
04/11	Mỹ – Kết quả bầu cử giữa kỳ
06/11	Mỹ – Bảng lương phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc – Lạm phát, PPI
10/11	Mỹ – Chỉ số CPI
12/11	MSCI – Công bố kết quả review chỉ số
13/11	Mỹ – Chỉ số PPI
16/11	Trung Quốc – SXCN, Doanh số bán lẻ
19/11	Mỹ – Biên bản FOMC, KQKD Nvidia Việt Nam – Đáo hạn HĐTL VN30, VN100
20/11	Trung Quốc – Lãi suất LPR
25/11	Mỹ – GDP Q3 lần 2, Chỉ số PCE
30/11	Trung Quốc – PMI tháng 11 MSCI – ETF cơ cấu danh mục

THÔNG TIN VĨ MÔ

Thủ tướng yêu cầu ưu tiên cao nhất cho kiểm soát lạm phát trong 2 tháng cuối năm: Kết luận phiên họp Chính phủ tháng 10 ngày 4/11, Thủ tướng giao Ban Chỉ đạo điều hành giá làm việc ngay với các địa phương có CPI 10 tháng cao hơn bình quân cả nước. Theo Bộ Tài chính, CPI bình quân 10 tháng tăng 4.57% YoY, cao hơn mục tiêu cả năm khoảng 4.5%. Thủ tướng cũng yêu cầu phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch đầu tư công.

Chứng khoán Mỹ tăng mạnh, giá dầu giảm sâu sau khi đảng Dân chủ giành quyền kiểm soát Quốc hội: Trong phiên 4/11, Dow Jones có phiên tăng mạnh nhất kể từ 9/4/2025 khi kết quả bầu cử giúp giải tỏa bất định chính trị. Giá dầu giảm sâu do nhà đầu tư cho rằng khả năng chiến tranh Mỹ - Iran sớm kết thúc đã tăng lên. Giá vàng có phiên tăng mạnh nhất kể từ giữa tháng 8, trong khi đồng USD và lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ cùng đi xuống.

Tài khoản chứng khoán tăng hơn 252,000 trong tháng 10, mức cao nhất 4 tháng: Theo VSDC, cuối tháng 10 thị trường có gần 14.4 triệu tài khoản, tăng hơn 2.5 triệu so với cuối năm 2025. Trong tháng, VN-Index giảm 1.53% xuống 1,741.62 điểm; giá trị giao dịch bình quân trên HOSE đạt hơn 15,600 tỷ đồng/phiên, giảm 4.93% MoM; khối ngoại bán ròng khoảng 17,500 tỷ đồng trên toàn thị trường.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

DPM - PVFCCo - Phú Mỹ nâng kế hoạch LNST hợp nhất năm 2026 lên 1,445 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần mục tiêu ban đầu: Theo nghị quyết HĐQT ngày 4/11, kế hoạch doanh thu được nâng từ 17,600 tỷ đồng lên 19,000 tỷ đồng, LNTT từ 850 tỷ đồng lên 1,770 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần đạt 16,737 tỷ đồng (+27% YoY), LNST 1,371 tỷ đồng (+59%), bằng 95% kế hoạch mới; riêng lợi nhuận quý 3 giảm hơn 80% YoY.

PVS - PTSC ước LNTT 10 tháng đạt 1,803 tỷ đồng, tăng 43.3% YoY, vượt 42% kế hoạch năm: Doanh thu hợp nhất 10 tháng ước đạt 31,694 tỷ đồng (+22.7% YoY), bằng 96% kế hoạch năm 33,000 tỷ đồng. Ngày 22/10, PVS ký gói thầu EPCI-1 dự án Maydan Mahzam với QatarEnergy; theo Petrovietnam, giá trị dự kiến hơn 3 tỷ USD, triển khai từ quý 4/2026 đến cuối năm 2031.

TLG - Nhà sáng lập Thiên Long cùng 4 thành viên từ nhiệm HĐQT trong tiến trình Kokuyo mua lại: Theo tài liệu ĐHĐCĐ bất thường dự kiến họp tháng 12, 5/9 thành viên HĐQT, gồm Chủ tịch Cô Gia Thọ, sẽ được miễn nhiệm; danh sách ứng viên thay thế chưa được công bố. Ông Thọ sẽ làm Chủ tịch Danh dự theo hợp đồng tư vấn 3 năm, không có quyền biểu quyết. Kokuyo dự kiến mua 46.8% cổ phần từ Thiên Long An Thịnh, sau đó chào mua công khai tối đa 18.2%, nâng sở hữu lên tối đa 65.01%.

BID - BIDV dự kiến mua lại trước hạn 8,360 tỷ đồng trái phiếu phát hành năm 2025: BIDV mua lại 3 mã trái phiếu kỳ hạn 2 năm: 360 tỷ đồng mã BID12556 vào ngày 27/11; 4,000 tỷ đồng mỗi mã BID12562 và BID12563 lần lượt vào ngày 25/12 và 29/12. Nguồn vốn lấy từ nguồn vốn kinh doanh; mục đích nhằm đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư và tạo thuận lợi cho kế hoạch huy động vốn trung dài hạn qua kênh trái phiếu.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	26,500	31,150	17.5%	Tăng tỷ trọng
CTD	68,300	79,600	16.5%	Tăng tỷ trọng
CTG	31,600	39,700	25.6%	Mua
DBD	45,300	56,700	25.2%	Mua
DDV	15,408	29,000	88.2%	Mua
DGW	39,450	48,300	22.4%	Mua
DHC	36,250	42,900	18.3%	Tăng tỷ trọng
DPG	32,900	42,900	30.4%	Mua
FRT	143,000	177,400	24.1%	Mua
GMD	52,600	62,600	19.0%	Tăng tỷ trọng
HAH	48,750	55,800	14.5%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,500	28,700	33.5%	Mua
MBB	19,500	25,200	29.2%	Mua
MCH	133,000	148,500	11.7%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MWG	75,000	108,800	45.1%	Mua
NT2	22,600	24,800	9.7%	Nắm giữ
POW	12,500	15,500	24.0%	Mua
PVT	20,600	26,000	26.2%	Mua
SSI	20,400	31,200	52.9%	Mua
TCB	21,950	26,200	19.4%	Tăng tỷ trọng
TCH	13,000	14,216	9.4%	Nắm giữ
TLG	54,300	59,700	9.9%	Nắm giữ
VCB	54,200	72,100	33.0%	Mua
VPB	21,900	29,500	34.7%	Mua

** Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo*

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)
Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472
Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58 Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1
Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 535 6060
Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3
Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM
Điện thoại: (84-28) 3 820 8068
Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình
Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 3 813 2401
Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân
Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.
Điện thoại: (84-24) 6 250 9999
Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (84-225) 384 1810
Fax: (84-225) 384 1801